

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
QUÝ IV NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MCO VIỆT NAM**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp quý IV năm 2012	6 - 7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp quý IV năm 2012	8 - 9
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2012	10 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		256,584,907,266	251,726,171,760
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3,318,482,252	3,401,496,301
1. Tiền	111		3,318,482,252	3,401,496,301
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81,019,148,018	129,699,538,461
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	43,874,791,427	83,589,436,442
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	33,009,616,905	42,369,642,408
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	5,018,762,191	4,624,482,116
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(884,022,505)	(884,022,505)
IV. Hàng tồn kho	140		166,718,080,619	116,688,724,145
1. Hàng tồn kho	141	V.6	166,718,080,619	116,688,724,145
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,529,196,377	1,936,412,852
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2,003,806,693	39,393,939
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	3,525,389,684	1,897,018,913

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39,055,600,012	57,674,376,384
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		30,654,976,297	49,190,802,320
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	21,991,677,359	40,594,503,382
<i>Nguyên giá</i>	222		123,606,291,576	145,490,644,320
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(101,614,614,217)	(104,896,140,938)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4,578,800,000	4,578,800,000
<i>Nguyên giá</i>	228		4,578,800,000	4,578,800,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	4,084,498,938	4,017,498,938
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8,310,000,000	8,310,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	5,000,000,000	5,000,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	3,310,000,000	3,310,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		90,623,715	173,574,064
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	15,976,119	98,926,468
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	74,647,596	74,647,596
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		295,640,507,278	309,400,548,144

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		246,454,638,543	258,910,661,352
I. Nợ ngắn hạn	310		229,519,184,285	235,583,500,169
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	74,156,479,590	82,021,862,427
2. Phải trả người bán	312	V.16	67,567,723,400	54,563,074,318
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	33,738,234,703	42,069,598,853
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	19,595,357,224	21,765,583,144
5. Phải trả người lao động	315		-	4,845,360,561
6. Chi phí phải trả	316	V.19	20,179,642,801	21,381,694,807
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	14,222,179,681	8,876,759,173
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	59,566,886	59,566,886
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		16,935,454,258	23,327,161,183
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	16,710,581,300	23,102,288,225
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	224,872,958	224,872,958
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49,185,868,735	50,489,886,792
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	49,185,868,735	50,489,886,792
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		41,039,290,000	41,039,290,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		149,852,000	149,852,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,761,987,245	2,761,987,245
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		581,097,141	581,097,141
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4,653,642,349	5,957,660,406
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		295,640,507,278	309,400,548,144

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

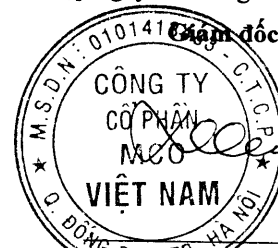
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài			-		-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-		-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-		-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-		-
5. Ngoại tệ các loại			-		-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-		-

Kế toán trưởng



Ngô Đức Nam

Lập ngày 16 tháng 01 năm 2013



Nguyễn Quốc Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý IV Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	85,425,633,357	146,749,812,912
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		85,425,633,357	146,749,812,912
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	77,871,001,497	116,187,557,483
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7,554,631,860	30,562,255,429
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15,538,489	21,166,352
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10,196,749,330	22,048,576,290
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8,018,508,063	22,048,576,290
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	3,500,074,398	7,801,012,381
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6,126,653,379)	733,833,110
11. Thu nhập khác	31	VI.6	12,969,090,873	3,104,009,816
12. Chi phí khác	32	VI.7	6,225,810,606	3,523,677,239
13. Lợi nhuận khác	40		6,743,280,267	(419,667,423)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		616,626,888	314,165,688
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		484,047,051	132,637,778
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>132,579,837</u>	<u>181,527,910</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>32</u>	<u>44</u>

Kế toán trưởng



Ngô Đức Nam

Lập ngày 16 tháng 01 năm 2013



Nguyễn Quốc Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

(Dạng đầy đủ)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: 1000.VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	26,137,332	38,812,239	85,425,633	146,749,813
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		26,137,332	38,812,239	85,425,633	146,749,813
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	23,467,605	32,481,749	77,871,001	116,187,557
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2,669,727	6,330,490	7,554,632	30,562,256
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,219	5,499	15,538	21,166
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	1,744,789	3,516,456	10,196,749	22,048,576
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		8,961,447	3,516,456	9,763,298	22,048,576
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	946,531	2,026,074	3,500,074	7,801,012
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(19,374)	793,459	(6,126,653)	733,834
11.	Thu nhập khác	31	VI.6	-	1,322,727	12,969,091	3,104,010
12.	Chi phí khác	32	VI.7	-	1,450,679	6,225,811	3,523,677
13.	Lợi nhuận khác	40		-	(127,952)	6,743,280	(419,667)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(19,374)	665,507	616,627	314,167
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	166,377	484,047	132,638
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(19,374)	499,130	132,579	181,529
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-

Kế toán trưởng



Ngô Đức Nam

Lập ngày 16 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1,427,331,063)	314,165,688
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		(1,870,714,514)	19,111,444,954
- Các khoản dự phòng	03		-	64,616,783
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(216,257,346)	(2,042,281,570)
- Chi phí lãi vay	06		8,018,508,063	22,048,576,290
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4,504,205,141	39,496,522,145
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		45,387,606,918	(16,293,786,122)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(50,029,356,474)	(27,497,250,808)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1,924,379,959	17,420,261,854
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		82,950,349	854,338,549
- Tiền lãi vay đã trả	13		(8,018,508,063)	(17,848,791,756)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(300,000,000)	(20,598,520)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6,448,722,170)	(3,889,304,658)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		19,956,939,697	(35,000,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		665,858,186	2,845,454,545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(390,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		20,622,797,883	2,420,454,545

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

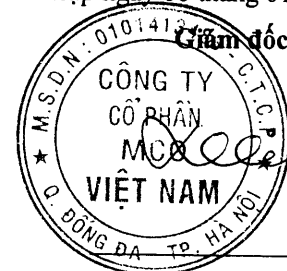
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		105,035,431,297	127,591,658,784
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(119,292,521,059)	(129,158,253,331)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14,257,089,762)	(1,566,594,547)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(83,014,049)	(3,035,444,660)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3,401,496,301	6,436,940,961
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3,318,482,252	3,401,496,301

Kế toán trưởng



Ngô Đức Nam

Lập ngày 16 tháng 01 năm 2013



Nguyễn Quốc Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý IV Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng và các lĩnh vực khác
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm**
 - Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước (bao gồm: cầu, đường, bến cảng, san lấp mặt bằng);
 - Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi và đường điện đến 35KV;
 - Nạo vét, đào đắp công trình;
 - Đầu tư xây dựng các công trình: cơ sở hạ tầng cụm dân cư, đô thị, giao thông vận tải;
 - Khai thác, kinh doanh đá, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện thép, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa;
 - Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, hàng hóa, dịch vụ du lịch, khách sạn, vui chơi giải trí;
 - Sửa chữa xe máy thiết bị thi công, gia công cơ khí;
 - Thiết kế các công trình xây dựng thủy lợi;
 - Thiết kế các công trình cảng, đường thủy;
 - Thiết kế đường bộ;
 - Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp...
4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 1 - Xí nghiệp Xây dựng số 2 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0113012078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 5 năm 2006. Theo Điều lệ hoạt động của Xí nghiệp Xây dựng số 2 thì vốn điều lệ của Xí nghiệp là 4.770.000.000 VND, trong đó, Công ty Cổ phần MCO Việt Nam cấp 2.000.000.000 VND, còn lại vốn Xí nghiệp tự huy động là 2.770.000.000 VND. Tuy nhiên, tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty chưa cấp vốn cho Xí nghiệp.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Công ty có 2 Chi nhánh (Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 1 - Xi nghiệp số 2 và Chi nhánh Công ty Cổ phần MCO Việt Nam (TP Hà Nội)) hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán độc lập.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh Công ty Cổ phần MCO Việt Nam (TP Hà Nội) mà không tổng hợp Báo cáo tài chính của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 1 - Xi nghiệp số 2 do Công ty chưa cấp vốn hoạt động cho Chi nhánh này theo Điều lệ hoạt động của Chi nhánh, số tiền 2.000.000.000 VND.

Doanh thu và số dư giữa Văn phòng Công ty và Chi nhánh Công ty Cổ phần MCO Việt Nam (TP Hà Nội) được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp. Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ không thể thu hồi được.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng tồn kho cuối năm được tính theo phương pháp giá đích danh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm được xác định cho từng công trình như sau:

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Chi phí} & & & \text{Giá trị} & & & & & \\ \text{sản xuất kinh doanh} & = & \text{sản lượng} & \text{Thu nhập} & \text{Các khoản} & \text{Chi phí} \\ \text{dở dang cuối năm} & & \text{dở dang cuối} & \text{chịu thuế} & \text{phụ phí} & \text{quản lý} \\ & & \text{năm} & \text{tính trước} & \text{(nếu có)} & \text{ước tính} \end{array}$$

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	03 – 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	03 – 05

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê văn phòng.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : VND/USD
31/12/2012 : VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

15. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**19. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	792,825,729	1.783.217.334
Tiền gửi ngân hàng	2,525,656,523	1.618.278.967
Cộng	3,318,482,252	3.401.496.301

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng hoạt động xây dựng	41,014,791,427	80.729.436.442
Phải thu khách hàng hoạt động khác	2,860,000,000	2.860.000.000
Cộng	43,874,791,427	83.589.436.442

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhóm đối tượng Công ty Cổ phần	9,574,780,939	16.644.016.494
Nhóm đối tượng Công ty TNHH	2,420,441,426	4.598.636.639
Nhóm đối tượng Doanh nghiệp Tư nhân	1,219,249,482	330.550.498
Nhóm đối tượng khác	19,795,145,058	20.796.438.777
Cộng	33,009,616,905	42.369.642.408

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về cổ phần hóa	-	386.041.579
Công ty Cổ phần MCO Phát triển Hạ Tầng	130,176,000	130.176.000
Phải thu tiền cho Ông Nguyễn Quốc Hương vay để đầu tư vào Công ty CP đầu tư phát triển đô thị và thể thao MCO Quảng Nam	152,463,000	1.010.182.000
Phải thu dự án Thủy điện Xoong con	15,000,000	15.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT đầu vào của các công trình chưa có hóa đơn	22,312,728	2.704.897.786
Tạm ứng cho các đối tượng ngoài Công ty	1,378,818,079	135.057.500
Các khoản phải thu khác	3,319,992,384	243.127.251
Cộng	5,018,762,191	4.624.482.116

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi UBND Thị Xã Sơn La	657.863.763	657.863.763
Công ty TNHH Thương Mại Đại Thiên Sơn	209.243.033	202.476.750
Công ty CP Xây dựng Vận tải Ô tô số 9	16.915.709	23.681.992
Cộng	884.022.505	884.022.505

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1,731,212,811	1.417.137.646
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	164,986,867,808	115.271.586.499
Cộng	166,718,080,619	116.688.724.145

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	3,115,966,164	1.787.595.393
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	409,423,520	109.423.520
Cộng	3,525,389,684	1.897.018.913

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	2.814.660.275	106.086.996.916	35.052.873.172	1.209.274.131	326.839.826	145,490,644,320
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Mua sắm mới	-	-	-	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
	-	(14,860,413,047)	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	(14,860,413,047)
Giảm góp vốn đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(14,860,413,047)	-	-	-	-
Số cuối năm	2.814.660.275	104.226.583.869	35.052.873.172	1.209.274.131	326.839.826	123,606,291,576

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp quý IV năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	41.510.992.369	3.671.945.350	1.075.261.023	326.839.826	46.585.038.568
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	993.834.217	79.627.124.309	22.103.897.965	1.844.444.621	326.839.826	104.896.140.938
Tăng trong năm do khấu hao	70.366.506	3.070.493.449	1.455.895.092	177.699.441	3.406.751	4.777.861.238
Giảm trong năm		(1.410.812.207)				(1.410.812.207)
<i>Giảm góp vốn đầu tư</i>						
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>		(1.410.812.207)				(1.410.812.207)
Số cuối năm	1.064.200.723	81.939.965.266	23.559.793.057	1.368.984.347	330.246.577	108.263.189.969
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.820.826.058	26.481.274.107	12.948.975.207	-	-	40.594.503.382
Số cuối năm	1.750.459.552	22.286.618.603	11.329.963.148	-	-	35.367.041.304

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại Số 8 ngõ 121 Phố Thái Hà, Phường Trung Liet, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội diện tích 55,36 m² theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu Nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 0105090147 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 25/11/1999. Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất là không xác định thời hạn nên Công ty không tính khấu hao đối với tài sản vô hình này. Tài sản cố định là quyền sử dụng đất có nguyên giá bằng giá trị còn lại và bằng 4.578.800.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	-	-
XDCB dở dang	4.017.498.938	-	4.017.498.938
<i>Công trình Thủy Điện Xoòng Con</i>	4.017.498.938		4.017.498.938
Cộng	4.017.498.938	-	4.017.498.938

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Là khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Khu đô thị T&T - MCK. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0104748174 ngày 14 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp, Công ty đầu tư 2.500.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ và Công ty đã góp đủ số vốn cam kết góp. Trong năm, các bên góp vốn đã thống nhất góp bổ sung và phía Công ty đã góp bổ sung thêm 2.500.000.000 VND để bổ sung vốn hoạt động của Công ty liên kết, nâng số vốn góp lên 5.000.000.000 VND, tỷ lệ đầu tư vẫn là 25% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**13. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP MCO Nghệ An ^(a)	390.000.000	390.000.000
Công ty CP Đầu tư địa ốc & XDCT Hoàng Đô ^(b)	1.920.000.000	1.650.000.000
Công ty CP Công nghệ và Truyền thông CK ^(c)	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	3.310.000.000	3.040.000.000

^(a) Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 17 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp thì Công ty Cổ phần MCO Việt Nam phải góp vào Công ty Cổ phần MCO Nghệ An số tiền 1.500.000.000 VND tương ứng với 30% vốn điều lệ. Trong năm 2011 Công ty Cổ phần MCO Việt Nam đã thực hiện góp vốn bằng tài sản cố định là xe ô tô Kia Sorento (29Z-1706) theo giá trị góp vốn là 360.000.000 VND và góp bằng tiền mặt 30.000.000 VND.

^(b) Khoản góp vốn hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị Quán Bàu - TP Vinh (tỉnh Nghệ An) cùng với Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Nghệ An và Công ty Cổ phần Tân Bình. Theo đó, phía Công ty góp vốn theo tỷ lệ 30% trên tổng vốn đầu tư (dự kiến tổng vốn đầu tư là 50 tỷ VND) và chuyển vốn góp cho Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Nghệ An. Các bên thành lập Ban quản lý dự án chung do các bên cùng cử người đại diện tham gia vào dự án, phía Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Nghệ An chịu trách nhiệm làm đại diện pháp nhân cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án. Khi toàn bộ quá trình thực hiện dự án được hoàn thành, căn cứ vào tỷ lệ vốn góp của các bên sẽ tiến hành phân chia kết quả đầu tư bằng lợi nhuận thu được khi bán các sản phẩm xây dựng đã hoàn thành là các căn hộ, nền đất, khi không bán được các bên thống nhất sẽ phân chia kết quả đầu tư bằng sản phẩm. Mỗi bên sở hữu lợi nhuận hoặc sản phẩm theo tỷ lệ vốn góp của mình. Số đã đầu tư đến cuối kỳ là 1.150.000.000 VND.

^(c) Khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông CK với số cổ phần nắm giữ là 10.000 cổ phần, mệnh giá 100.000 đồng, tổng giá trị đã đầu tư là 1.000.000.000 VND.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	98.926.468	-	98.926.468	-
Chi phí thuê và sửa chữa văn phòng Chi nhánh	-	-	-	-
Cộng	98.926.468	-	98.926.468	-

15. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ dài hạn.

16. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	60,149,194,313	67.725.789.427
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đống Đa ^(a)	8,191,815,898	15.437.179.976
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN	-	988.937.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp quý IV năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bắc Hà Nội		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hà Nội ^(b)	18,238,476,081	18.395.616.030
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Hà Nội ^(c)	24,098,736,587	22.505.121.275
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - CN Láng Hạ ^(d)	9,620,165,747	9.898.935.146
Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam	-	500.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân và tổ chức khác	14,007,285,277	14.296.073.000
Công ty CP doanh nghiệp trẻ Nghệ An	8,350,000,000	9.850.000.000
Công ty CP MCO Nghệ An	550,000,000	550.000.000
Vay cá nhân	5,107,285,277	3.896.073.000
Lê Thị Bình	2,021,000,000	2.200.000.000
Nguyễn Thị Cẩm Nhung	366,285,277	1.376.073.000
Nguyễn Quốc Hương	2,400,000,000	
Cộng	320,000,000	320.000.000
	<u>74,156,479,590</u>	<u>82.021.862.427</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa theo Bản ghi nhớ về giới hạn tín dụng ngày 23/07/2011 với hạn mức tín dụng là 61 tỷ VND, lãi suất vay vốn linh hoạt theo từng lần nhận nợ để bổ sung vốn kinh doanh.

(b) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo nhiều hợp đồng hạn mức tín dụng cho nhiều công trình khác nhau để bổ sung vốn kinh doanh lưu động cho Văn phòng Công ty.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 11L0206/2010/HDHM - PN/SHBHN ngày 28/06/2011 với hạn mức vay là 25 tỷ VND, lãi suất vay linh hoạt theo từng lần nhận nợ để bổ sung vốn kinh doanh.

(d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1700/LAV/2011 ngày 08/03/2011 với hạn mức tín dụng là 10 tỷ VND, lãi suất vay linh hoạt theo từng lần nhận nợ để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được thế chấp bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở trụ sở Văn phòng Công ty tại Số 8 Ngõ 121, Phố Thái Hà, TP Hà Nội.

17. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhóm đối tượng Công ty Cổ phần	33,618,444,081	24.220.968.896
Nhóm đối tượng Công ty TNHH	26,987,505,085	23.426.375.090
Nhóm đối tượng Doanh nghiệp Tư nhân	3,594,921,095	1.702.533.171
Nhóm đối tượng khác	3,366,853,139	5.213.197.161
Cộng	67,567,723,400	54.563.074.318

18. Người mua trả tiền trước

Là các khoản trả trước liên quan đến hợp đồng xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	19,739,594,577	6,296,814,976	8,467,040,896	17,569,368,657
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,829,497,927	-	-	1,829,497,927
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	196,490,640	-	-	196,490,640
Các loại thuế khác	-	3,000,000	3,000,000	-
Cộng	21,765,583,144	6,299,814,976	8,470,040,896	19,595,357,224

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT như sau:

Công trình 48 WB - Nghĩa Thuận - Nghệ An (Vốn đầu tư của WB)	0%
Doanh thu bán hàng hóa và doanh thu các hợp đồng xây dựng khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo.

Ngoài ra, Công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán từ năm 2006, theo quy định tại Công văn số 10997/BTC-CST ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm tiếp theo tính từ khi kết thúc thời hạn miễn, giảm thuế.

Năm 2010 là năm tài chính cuối cùng Công ty được hưởng miễn giảm thuế theo quy định.

Chi nhánh Công ty Cổ phần MCO Việt Nam hạch toán độc lập, thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	616,626,888	314.165.688
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		216.385.426
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	216.385.426
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	216.385.426
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	216.385.426
Khấu hao tài sản cố định tương ứng với phần lãi nội bộ phát sinh do Công ty bán tài sản cho Chi nhánh	-	-
Giá trị còn lại TSCĐ chi nhánh thanh lý trong năm từ phần lãi nội bộ phát sinh	-	-
Thu nhập tính thuế	616,626,888	530.551.114
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	154,156,722	132.637.778

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	-	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</i>	<i>154,156,722</i>	<i>132.637.778</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các Năm trước</i>		
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>154,156,722</u>	<u>132.637.778</u>
20. Chi phí phải trả		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả		4.946.948.459
Trích trước giá vốn các công trình đã ghi nhận doanh thu	20,179,642,801	16.434.746.348
Cộng	<u>20,179,642,801</u>	<u>21.381.694.807</u>
21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	465,009,437	657.042.671
Bảo hiểm xã hội	528,767,601	1.256.702.639
Phải trả về cổ phần hóa	395,738,159	395.738.159
Kinh phí đào tạo cổ phần hóa	200,000,000	200.000.000
Phải trả các cá nhân tiền vay không tính lãi	6,902,010,244	5.326.850.522
Phải trả phí quản lý Tổng Công ty	271,412,030	271.412.030
Phải trả, phải nộp khác	5,459,242,210	769.013.152
Cộng	<u>14,222,179,681</u>	<u>8.876.759.173</u>
22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số đầu năm		59.566.886
Tăng do trích quỹ trong năm		-
Chi quỹ trong năm		-
Số cuối năm		<u>59.566.886</u>
23. Vay và nợ dài hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	13,110,581,300	19.502.288.225
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đống Đa ^(a)	8,003,594,300	9.598.622.225
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hà Nội ^(b)	5,106,987,000	9.903.666.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	3,600,000,000	3.600.000.000
Ông Nguyễn Tài Thạch	2,100,000,000	2.100.000.000
Bà Lê Thị Bình	1,500,000,000	1.500.000.000
Cộng	<u>16,710,581,300</u>	<u>23.102.288.225</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa theo hợp đồng tín dụng số 13/TDH13/MCO/2009 ngày 25/08/2009, thời hạn vay 60 tháng, mục đích để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong dự án đầu tư thiết bị thi công số 13. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (b) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo nhiều hợp đồng tín dụng theo từng công trình dự án của Công ty. Mục đích để đầu tư thiết bị thi công cho các công trình. Thời hạn vay trong khoảng 4 đến 5 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	163.261.562
Số trích lập bổ sung	61.611.396
Số đã chi	-
Số cuối năm	224.872.958

25. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	41.039.290.000	149.852.000	2.161.459.448	581.097.141	6.464.998.323	50.396.696.912
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	4.015.590.970	4.015.590.970
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(4.103.929.000)	(4.103.929.000)
Thuế TNDN được giảm trong năm	-	-	600.527.797	-	(600.527.797)	-
Số dư cuối năm trước	41.039.290.000	149.852.000	2.761.987.245	581.097.141	5.776.132.496	50.308.358.882
Số dư đầu năm nay	41.039.290.000	149.852.000	2.761.987.245	581.097.141	5.957.660.406	50.489.886.792
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	427.247.807	427.246.558
Số dư cuối năm nay	41.039.290.000	149.852.000	2.761.987.245	581.097.141	6.384.908.213	50.917.133.350

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy	4.706.740.000
Vốn góp của các cổ đông	36.332.550.000
Thặng dư vốn cổ phần	149.852.000
Cộng	41.189.142.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.103.929	4.103.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.103.929	4.103.929
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.103.929	4.103.929
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.103.929	4.103.929
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.103.929	4.103.929

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)*Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	85,425,633,357	146.749.812.912
Doanh thu bán hàng hóa	-	1.644.090.908
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,635,166,666	5.663.798.055
Doanh thu hoạt động xây dựng	83,790,466,691	139.441.923.949
Doanh thu thuần	85,425,633,357	146.749.812.912

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	2,986,329,795	999.231.504
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	2.654.588.193
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	74,884,671,702	112.533.737.786
Cộng	77,871,001,497	116.187.557.483

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi không kỳ hạn phát sinh trong năm.

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	9,763,297,688	22.048.576.290
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Cộng	10,196,749,330	22.048.576.290

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2,361,236,987	4.072.307.820
Chi phí vật liệu quản lý	284,356,912	167.130.243
Chi phí đồ dùng văn phòng	11,383,712	11.383.712
Chi phí khấu hao TSCĐ	367,040,396	367.040.396
Thuế, phí và lệ phí	-	3.000.000
Chi phí dự phòng	-	64.616.783
Chi phí dịch vụ mua ngoài	476,056,391	1.224.207.065

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp quý IV năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí bằng tiền khác	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cộng	<u>-</u>	<u>1.891.326.362</u>
	3,500,074,398	7.801.012.381
6. Thu nhập khác		
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chênh lệch do đánh giá lại tài sản	665,858,186	2.845.454.545
Thu tiền bảo hiểm đền bù	-	243.958.911
Thu nhập khác	-	-
Cộng	<u>12,303,232,687</u>	<u>14.596.360</u>
	12,969,090,873	3.104.009.816
7. Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt, lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	803,172,975	803.172.975
Tiền BHXH phải thu người lao động không thu hồi được	159,991,298	159.991.298
Nộp phạt thua kiện cho Công ty TNHH Liên hợp Xây dựng Vạn Cường	43,603,128	43.603.128
Nộp phạt do gây tai nạn	-	2.280.650.088
Chi phí khác	236,094,750	236.094.750
Cộng	<u>4,982,948,455</u>	<u>165.000</u>
	6,225,810,606	3.523.677.239
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Là thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.		
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	132,579,837	181.527.910
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>132,579,837</u>	<u>181.527.910</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>4,103,929</u>	<u>4.103.929</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>32</u>	<u>44</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	4.103.929	4.103.929
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>-</u>	<u>-</u>
	4.103.929	4.103.929

CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng



Ngô Đức Nam

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Hương